

**ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP HCM  
BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC**

Số: 1028/BVĐHYD-KD

V/v mời chào giá

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2023

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp hàng hoá, dịch vụ liên quan theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp hoá chất xét nghiệm và vật tư cho khoa Giải phẫu bệnh năm 2023-2024.

2. Phạm vi cung cấp: Chi tiết theo phụ lục đính kèm.

3. Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

4. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

5. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: Tối thiểu 6 tháng.

7. Yêu cầu về giá chào: Giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của bên mời thầu.

8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: trước 16 giờ, ngày 04/05/2023

9. Quy định về tiếp nhận thông tin và hồ sơ chào giá: Quý đơn vị thực hiện gửi hồ sơ chào giá online tại website của Bệnh viện và gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Khoa Dược- Kho Hoá chất xét nghiệm, Tầng B1, Khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, số 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người liên hệ: Nguyễn Hồng Nga Số điện thoại: 028 3952 5876

10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

- + Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);
- + Hồ sơ pháp lý, hồ sơ năng lực của nhà thầu;
- + Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có);
- + Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, giấy chứng nhận lưu hành tự do (nếu có), catalogue sản phẩm và các tài liệu kỹ thuật liên quan khác)

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT.KD (B03-059-nhnga) (3).

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
BỘ Y  
BỆNH VIỆN  
ĐẠI HỌC Y DƯỢC  
TP. HỒ CHÍ MINH  
Phạm Văn Tấn



**ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP HCM  
BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC**

Số: 1028/BVĐHYD-KD

V/v mời chào giá

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2023

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp hàng hoá, dịch vụ liên quan theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp hoá chất xét nghiệm và vật tư cho khoa Giải phẫu bệnh năm 2023-2024.

2. Phạm vi cung cấp: Chi tiết theo phụ lục đính kèm.

3. Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

4. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

5. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: Tối thiểu 6 tháng.

7. Yêu cầu về giá chào: Giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của bên mời thầu.

8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: trước 16 giờ, ngày 04/05/2023

9. Quy định về tiếp nhận thông tin và hồ sơ chào giá: Quý đơn vị thực hiện gửi hồ sơ chào giá online tại website của Bệnh viện và gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Khoa Dược- Kho Hoá chất xét nghiệm, Tầng B1, Khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, số 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người liên hệ: Nguyễn Hồng Nga      Số điện thoại: 028 3952 5876

10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

+ Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);  
+ Hồ sơ pháp lý, hồ sơ năng lực của nhà thầu;  
+ Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có);

+ Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, giấy chứng nhận lưu hành tự do (nếu có), catalogue sản phẩm và các tài liệu kỹ thuật liên quan khác)

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT.KD (B03-059-nhnga) (3).

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Văn Tấn

**PHỤ LỤC. PHẠM VI CUNG CẤP VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT**  
(Đính kèm Công văn số 1028/BVĐHYD-KD ngày 20 tháng 4 năm 2023)

| TT | Tên danh mục<br>mời chào giá                      | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                 | Đơn vị<br>tính | Số<br>lượng |
|----|---------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------|
| 1  | Kháng thể CD56                                    | Kháng thể CD56 đơn dòng MRQ-42 hoặc dòng tương đương đã được pha loãng tối ưu, dùng làm kháng thể sơ cấp trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin.                               | Test           | 100         |
| 2  | Kháng thể Cytokeratin 19                          | Kháng thể Cytokeratin 19 (dòng A53-B/A2.26 hoặc dòng tương đương) đã được pha loãng tối ưu, dùng làm kháng thể sơ cấp trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin.                  | Test           | 100         |
| 3  | Kháng thể GFAP                                    | Kháng thể GFAP (Glial Fibrillary Acidic Protein) dòng EP672Y hoặc dòng tương đương đã được pha loãng tối ưu, dùng làm kháng thể sơ cấp trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. | Test           | 100         |
| 4  | Kháng thể bcl-6                                   | Kháng thể bcl-6 (dòng GI191E/A8 hoặc dòng tương đương) đã được pha loãng tối ưu, dùng làm kháng thể sơ cấp trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin.                             | Test           | 100         |
| 5  | Kháng thể HSA<br>(Hepatocyte<br>Specific Antigen) | Kháng thể Hepatocyte Specific Antigen (dòng OCH1E5 hoặc dòng tương đương) đã được pha loãng tối ưu, dùng làm kháng thể sơ cấp trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin.          | Test           | 100         |
| 6  | Kháng thể DOG-1                                   | Kháng thể DOG-1 (dòng SP31 hoặc dòng tương đương) đã được pha loãng tối ưu, dùng làm kháng thể sơ cấp trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin.                                  | Test           | 100         |
| 7  | Kháng thể CDX-2                                   | Kháng thể CDX-2 (dòng EPR2764Y hoặc dòng tương đương) đã được pha loãng tối ưu, dùng làm kháng thể sơ cấp trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin.                              | Test           | 100         |
| 8  | Kháng thể WT1                                     | Kháng thể WT1 (dòng 6F-H2 hoặc dòng tương đương) đã được pha loãng tối ưu, dùng làm kháng thể sơ cấp trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin.                                   | Test           | 50          |
| 9  | Kháng thể CD31                                    | Kháng thể CD31 (dòng JC70 hoặc dòng tương đương) đã được pha loãng tối ưu, dùng làm kháng thể sơ cấp trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin.                                   | Test           | 50          |
| 10 | Kháng thể PAX8                                    | Kháng thể PAX8 (dòng MRQ-50 hoặc dòng tương đương) đã được pha loãng tối ưu, dùng làm kháng thể sơ cấp trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin.                                 | Test           | 50          |
| 11 | Kháng thể TdT                                     | Kháng thể TdT (Terminal Deoxynucleotidyl Transferase) đã được pha loãng tối ưu, dùng làm kháng thể sơ cấp trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin.                              | Test           | 50          |
| 12 | Kháng thể Inhibin                                 | Kháng thể Inhibin dòng alpha R1 hoặc dòng tương                                                                                                                                                                                   | Test           | 50          |

| TT | Tên danh mục<br>mời chào giá                            | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                           | Đơn vị<br>tính | Số<br>lượng |
|----|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------|
|    |                                                         | đương đã được pha loãng tối ưu, dùng làm kháng thể sơ cấp trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin.                                                                                                        |                |             |
| 13 | Kháng thể<br>Glypican-3                                 | Kháng thể Glypican-3 (dòng 1G12 hoặc dòng tương đương) đã được pha loãng tối ưu, dùng làm kháng thể sơ cấp trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin.                                                       | Test           | 50          |
| 14 | Kháng thể GATA3                                         | Kháng thể GATA3 (dòng L50-823) hoặc dòng tương đương đã được pha loãng tối ưu, dùng làm kháng thể sơ cấp trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin.                                                         | Test           | 50          |
| 15 | Kháng thể CD45<br>(LCA)                                 | Kháng thể CD45 (LCA) (đa dòng 2B11 & PD7/26) hoặc dòng tương đương đã được pha loãng tối ưu, dùng làm kháng thể sơ cấp trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin.                                           | Test           | 100         |
| 16 | Kháng thể CD34<br>dạng cô đặc                           | Kháng thể CD34 dòng Qbend 10 dạng cô đặc. Lọ tối thiểu 1ml.                                                                                                                                                                                                 | Lọ             | 1           |
| 17 | Kháng thể Actin                                         | Kháng thể Actin smooth muscle (dòng 1A4) hoặc dòng tương đương đã được pha loãng tối ưu, dùng làm kháng thể sơ cấp trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin.                                               | Test           | 100         |
| 18 | Kháng thể CEA                                           | Kháng thể CEA đã được pha loãng tối ưu, dùng làm kháng thể sơ cấp trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin.                                                                                                | Test           | 50          |
| 19 | Kháng thể Napsin<br>A                                   | Kháng thể Napsin A đã được pha loãng tối ưu, dùng làm kháng thể sơ cấp trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin.                                                                                           | Test           | 100         |
| 20 | Kháng thể MUM1                                          | Kháng thể MUM1 đã được pha loãng tối ưu, dùng làm kháng thể sơ cấp trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin.                                                                                               | Test           | 50          |
| 21 | Dung dịch đệm rửa<br>Saline- sodium<br>citrate (SSC)    | Dung dịch SSC cô đặc có chứa dung dịch natri chloride, natri citrate và Triton X100.                                                                                                                                                                        | Lít            | 6           |
| 22 | Dung dịch đệm hệ<br>thống nhuộm hóa<br>mô miễn dịch     | Dung dịch rửa dạng cô đặc (10x) chứa dung dịch đệm Tris                                                                                                                                                                                                     | Lít            | 90          |
| 23 | Mực in nhãn tiêu<br>bản Hóa mô miễn<br>dịch             | Ruy băng mực in nhãn cho tiêu bản. Cuộn in tối thiểu 7000 nhãn.                                                                                                                                                                                             | Hộp            | 4           |
| 24 | Màu nhuộm nhân<br>tế bào<br>Hematoxylin II              | Hematoxylin Mayer cải tiến, được dùng để nhuộm nhân tế bào trên tiêu bản chứa các tế bào từ mô đông lạnh, hoặc mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thuốc thử chứa Hematoxylin với nồng độ $\leq 60\%$ trong dung dịch glycol và acid acetic. | Test           | 8.000       |
| 25 | Dung dịch dầu phủ<br>tiêu bản nhuộm<br>hóa mô miễn dịch | Dung dịch pha sẵn chứa hydrocarbon no, tỷ trọng thấp và dầu khoáng. Bình tối thiểu 2 lít.                                                                                                                                                                   | Lít            | 184         |
| 26 | Dung dịch khử sáp<br>trong nhuộm hóa<br>mô miễn dịch    | Dung dịch khử paraffin khỏi mẫu mô trong các phản ứng hóa mô miễn dịch và lai tại chỗ, và để pha loãng Saline sodium citrate (SSC) trong quá trình rửa nghiêm                                                                                               | Lít            | 62          |

| TT | Tên danh mục<br>mời chào giá                               | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Đơn vị<br>tính | Số<br>lượng |
|----|------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------|
|    |                                                            | ngặt trong phản ứng lai tại chỗ. Bình tối thiểu 2 lít.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                |             |
| 27 | Dung dịch bộc lộ<br>kháng nguyên<br>Citrate                | Dung dịch đệm citrate ở pH acid yếu, có khả năng thủy phân các liên kết cộng hóa trị được tạo bởi formalin ở nhiệt độ cao.                                                                                                                                                                                                                                                           | Lít            | 3           |
| 28 | Dung dịch bộc lộ<br>kháng nguyên Tris                      | Dung dịch đệm Tris ở pH bazơ yếu, có khả năng thủy phân các liên kết cộng hóa trị được tạo bởi formalin trong mô ở nhiệt độ cao.                                                                                                                                                                                                                                                     | Lít            | 32          |
| 29 | Dung dịch pha<br>loãng kháng thể<br>Casein                 | Dung dịch pha loãng kháng thể sơ cấp chứa dung dịch đệm phosphat và protein <20 mM (casein và globulin dê), muối <50 mM, EDTA <15 mM.                                                                                                                                                                                                                                                | Hộp            | 3           |
| 30 | Bộ hóa chất<br>nhuộm màu hóa<br>mô miễn dịch               | Bộ phát hiện màu bao gồm: (1) thuốc thử Inhibitor chứa hydrogen peroxide (2) đa kháng thể gắn cộng hợp HRP (3) thuốc thử Chromogen chứa 3, 3'-diaminobenzidine tetrahydrochloride (4) hóa chất H <sub>2</sub> O <sub>2</sub> trong đệm phosphate (5) dung dịch đồng sulfate                                                                                                          | Test           | 8.000       |
| 31 | Bộ hóa chất<br>nhuộm màu hóa<br>mô miễn dịch tăng<br>cường | Bộ phát hiện màu tăng cường bao gồm: (1) hóa chất ức chế Peroxidase chứa dung dịch hydrogen peroxide. (2) hỗn hợp các kháng thể thứ cấp đánh dấu HQ. (3) kháng thể thứ 3 là một kháng thể từ chuột kháng HQ được đánh dấu với HRP (4) Chất tạo màu 3, 3'-diaminobenzidine tetrahydrochloride (DAB). (5) hydrogen peroxide trong dung dịch đệm phosphate. (6) Dung dịch đồng sulfate. | Test           | 2.500       |
| 32 | Bộ khuếch đại tín<br>hiệu màu hóa mô<br>miễn dịch          | Bộ khuếch đại tín hiệu cho bộ phát hiện hóa mô miễn dịch màu nâu tăng cường bao gồm: (1) chất khuếch đại chứa tyramide gắn chất kết nối vận chuyển HQ (2) chất khuếch đại đa phân tử chứa kháng thể chuột kháng HQ và HRP (3) dung dịch H <sub>2</sub> O <sub>2</sub> .                                                                                                              | Test           | 400         |
| 33 | Nhãn tiêu bản Hóa<br>mô miễn dịch                          | Nhãn in tiêu bản nhuộm, cuộn tối thiểu 500 nhãn.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Nhãn           | 10.000      |
| 34 | Kháng thể<br>Calretinin                                    | Kháng thể Calretinin (dòng SP65) hoặc dòng tương đương, dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin.                                                                                                                                                                                                       | Test           | 50          |
| 35 | Kháng thể kháng<br>Her2/Neu                                | Kháng thể Her2/Neu (dòng 4B5) hoặc dòng tương đương, dùng để bán định lượng kháng nguyên HER2 trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin.                                                                                                                                                                                             | Test           | 300         |
| 36 | Kháng thể PR                                               | Kháng thể Progesterone Receptor (dòng 1E2) hoặc dòng tương đương, dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được vùi trong paraffin.                                                                                                                                                                                                                   | Test           | 300         |
| 37 | Kháng thể ER                                               | Kháng thể Estrogen Receptor (dòng SP1) hoặc dòng tương đương, dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin.                                                                                                                                                                                                 | Test           | 300         |
| 38 | Kháng thể p63                                              | Kháng thể p63 (dòng 4A4) hoặc dòng tương đương, dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin.                                                                                                                                                                                                               | Test           | 250         |

| TT | Tên danh mục<br>mời chào giá                | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                   | Đơn vị<br>tính | Số<br>lượng |
|----|---------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------|
| 39 | Kháng thể Vimentin                          | Kháng thể Vimentin (dòng V9) hoặc dòng tương đương, dùng làm kháng thể sơ cấp trong nhuộm hóa mô miễn dịch định tính các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin.                  | Test           | 150         |
| 40 | Kháng thể S100                              | Kháng thể S100 (dòng 4C4.9) hoặc dòng tương đương, dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin.                           | Test           | 200         |
| 41 | Kháng thể Synaptophysin                     | Kháng thể Synaptophysin (dòng SP11) hoặc dòng tương đương dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin.                    | Test           | 200         |
| 42 | Kháng thể Chromogranin A                    | Kháng thể Chromogranin A (dòng LK2H10) hoặc dòng tương đương dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin.                 | Test           | 150         |
| 43 | Kháng thể CD10                              | Kháng thể CD10 (dòng SP67) hoặc dòng tương đương dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin.                             | Test           | 100         |
| 44 | Kháng thể CD5                               | Kháng thể CD5 (dòng SP19) hoặc dòng tương đương dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin.                              | Test           | 100         |
| 45 | Kháng thể CD30                              | Kháng thể CD30 (dòng Ber-H2) hoặc dòng tương đương dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin.                           | Test           | 100         |
| 46 | Kháng thể bcl-2                             | Kháng thể bcl-2 (124) hoặc dòng tương đương dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin.                                  | Test           | 100         |
| 47 | Kháng thể Protein P53                       | Kháng thể p53, (dòng DO-7) hoặc dòng tương đương dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin.                             | Test           | 100         |
| 48 | Kháng thể PD-L1 (dòng SP263)                | Kháng thể PD-L1 (dòng SP263) dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin.                                                 | Test           | 100         |
| 49 | Kháng thể Epithelial Membrane Antigen (EMA) | Kháng thể Epithelial Membrane Antigen (EMA) (dòng E29) hoặc dòng tương đương dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. | Test           | 100         |
| 50 | Kháng thể MLH1 (M1)                         | Kháng thể MLH1 (dòng M1 hoặc dòng tương đương) dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin.                               | Test           | 250         |
| 51 | Kháng thể Desmin                            | Kháng thể Desmin (dòng DE-R-11) hoặc dòng tương đương dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin,                                            | Test           | 100         |

| TT | Tên danh mục<br>mời chào giá                             | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                     | Đơn vị<br>tính | Số<br>lượng |
|----|----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------|
|    |                                                          | vùi trong paraffin.                                                                                                                                                                   |                |             |
| 52 | Kháng thể PMS2<br>(dòng A16-4)                           | Kháng thể PMS2 (dòng A16-4) hoặc dòng tương đương dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin.              | Test           | 250         |
| 53 | Kháng thể MSH6<br>(dòng SP93)                            | Kháng thể MSH6 (dòng SP93) hoặc dòng tương đương dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin.               | Test           | 250         |
| 54 | Kháng thể MSH2<br>(dòng G219-1129)                       | Kháng thể MSH2 (dòng G219-1129) hoặc dòng tương đương dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin.          | Test           | 250         |
| 55 | Kháng thể CD68                                           | Kháng thể CD68 (dòng KP-1) hoặc dòng tương đương dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin.               | Test           | 50          |
| 56 | Kháng thể CD4                                            | Kháng thể CD4 (dòng SP35) hoặc dòng tương đương dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin.                | Test           | 50          |
| 57 | Kháng thể CD8                                            | Kháng thể CD8 (dòng SP57) hoặc dòng tương đương dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin.                | Test           | 50          |
| 58 | Kháng thể<br>Cytokeratin 5/6                             | Kháng thể Cytokeratin 5/6 (dòng D5/16B4) hoặc dòng tương đương dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. | Test           | 100         |
| 59 | Kháng thể Cyclin<br>D1                                   | Kháng thể Cyclin D1 (dòng SP4-R) hoặc dòng tương đương dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin.         | Test           | 50          |
| 60 | Kháng thể<br>Melanosome<br>(HMB45)                       | Kháng thể Melanosome (HMB45) dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin.                                   | Test           | 50          |
| 61 | Kháng thể ALK<br>(dòng D5F3)                             | Kháng thể ALK (D5F3) dùng định tính protein bạch huyết bào kinase tự ghép trong mô ung thư phổi được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin..                                       | Test           | 50          |
| 62 | Kháng thể PAX-5                                          | Kháng thể PAX-5 (dòng SP34) hoặc dòng tương đương dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin.              | Test           | 50          |
| 63 | Kháng thể ALK1<br>(dòng ALK01)                           | Kháng thể ALK1 (dòng ALK01) dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin.                                    | Test           | 50          |
| 64 | Kháng thể đa dòng<br>tử dẻ kháng trực<br>tiếp IgM người. | Kháng thể đa dòng được đánh dấu huỳnh quang và kháng trực tiếp IgM người                                                                                                              | Test           | 50          |
| 65 | Kháng thể đa dòng                                        | Kháng thể đa dòng được đánh dấu huỳnh quang và                                                                                                                                        | Test           | 100         |

| TT | Tên danh mục<br>mời chào giá                                          | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Đơn vị<br>tính | Số<br>lượng |
|----|-----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------|
|    | từ đề kháng trực<br>tiếp IgG người.                                   | kháng trực tiếp IgG người                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                |             |
| 66 | Kháng thể đa dòng<br>từ đề kháng trực<br>tiếp IgA người.              | Kháng thể đa dòng được đánh dấu huỳnh quang và<br>kháng trực tiếp IgA người                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Test           | 100         |
| 67 | Kháng thể đa dòng<br>từ cừu kháng trực<br>tiếp Fibrinogen ở<br>người. | Kháng thể đa dòng được đánh dấu huỳnh quang và<br>kháng trực tiếp Fibrinogen người                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Test           | 50          |
| 68 | Kháng thể đa dòng<br>từ đề kháng trực<br>tiếp C3 người.               | Kháng thể đa dòng được đánh dấu huỳnh quang và<br>kháng trực tiếp C3 người                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Test           | 100         |
| 69 | Hóa chất làm xanh<br>nền hematoxylin                                  | Dung dịch chứa lithium carbonate và natri carbonate<br>dùng điều chỉnh màu hematoxylin thành màu xanh<br>đương.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Test           | 8.000       |
| 70 | Dung dịch khử<br>màng tế bào<br>Protease                              | Men alkaline protease có hoạt tính trong dung dịch ổn<br>định enzyme ( đệm Tris)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Test           | 500         |
| 71 | Kháng thể CD117                                                       | Kháng thể CD117 (dòng EP10) hoặc dòng tương đương<br>dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn<br>dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong<br>paraffin.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Test           | 200         |
| 72 | Kháng thể p16                                                         | Dùng để định tính kháng nguyên p16 trong nhuộm hóa<br>mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin,<br>vùi trong paraffin.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Test           | 150         |
| 73 | Kháng thể NSE                                                         | Kháng thể NSE (dòng MRQ-55) hoặc dòng tương<br>đương dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa<br>mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin,<br>vùi trong paraffin.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Test           | 50          |
| 74 | Kháng thể CK7<br>dạng cô đặc                                          | Kháng thể Cytokeratin 7 dòng ov-t1 12/30 hoặc dòng<br>tương đương dạng cô đặc. Lọ tối thiểu 1ml.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Lọ             | 1           |
| 75 | Bộ thuốc nhuộm<br>Trichrome                                           | Các lọ thuốc thử được cung cấp trong các giá vận<br>chuyển có dán nhãn mã vạch để đưa vào khay thuốc thử<br>của máy nhuộm tiêu bản tự động. Mỗi bộ kit bao gồm:<br>(1) Một chai thuốc thử có chứa formaldehyde, acid<br>acetic và acid picric. (2) Một chai thuốc thử có chứa<br>hematoxylin. (3) Một chai thuốc thử có chứa sắt<br>chloride. (4) Một chai thuốc thử có chứa Biebrich<br>scarlet, acid fuchsin. (5) Một chai thuốc thử có chứa<br>acid phosphotungstic và acid phosphomolybdic. (6) Một<br>chai thuốc thử có chứa xanh dương aniline. (7) Một chai<br>thuốc thử có chứa acid acetic. | Test           | 75          |
| 76 | Bộ dung dịch rửa<br>tăng cường dùng<br>cho Nhuộm đặc<br>biệt          | Thuốc thử gồm: dung dịch làm sạch chứa natri<br>hydroxide >0.5%.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Hộp            | 7           |
| 77 | Bộ thuốc nhuộm<br>Reticulum II                                        | Ống thuốc thử được cung cấp dưới dạng giá vận chuyển<br>có nhãn mã vạch để nạp vào khay thuốc thử của máy<br>nhuộm tiêu bản tự động. Mỗi bộ kit chứa: (1) Một lọ<br>chứa kali permanganate. (2) Một lọ chứa acid oxalic. (3)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Test           | 75          |

| TT | Tên danh mục<br>mời chào giá                          | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Đơn vị<br>tính | Số<br>lượng |
|----|-------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------|
|    |                                                       | Một lọ chứa sắt ammonium sulfate. (4) Một lọ chứa bạc carbonate. (5) Một lọ chứa formaldehyde. (6) Một lọ chứa vàng chloride. (7) Một lọ chứa natri thiosulfate. (8) Một lọ chứa Nuclear Fast Red và nhôm sulfate                                                                                                                                                                                                              |                |             |
| 78 | Bộ thuốc nhuộm PAS                                    | Các lọ thuốc thử được cung cấp trong các giá vận chuyển có dán nhãn mã vạch để nạp vào khay thuốc thử của máy nhuộm tiêu bản tự động. Bộ thuốc nhuộm bao gồm: (1) Một lọ chứa acid periodic. (2) Ba lọ Schiff's Reagent chứa natri bisulfite, acid hydrochloric pha loãng, và pararosaniline chloride. (3) Một lọ chứa natri bisulfite. (4) Một lọ chứa hematoxylin.                                                           | Test           | 150         |
| 79 | Bộ dung dịch rửa thông thường dùng cho Nhuộm đặc biệt | Các lọ thuốc thử được cung cấp trong các giá vận chuyển có dán nhãn mã vạch để đưa vào khay thuốc thử của máy nhuộm tiêu bản tự động, bao gồm: (1) Một chai dung dịch làm sạch chứa 70% cồn và 1% acid hydrochloric. (2) Một chai dung dịch làm sạch chứa cetyltrimethylammonium bromide. (3) Một chai dung dịch làm sạch chứa ProClin 300.                                                                                    | Hộp            | 7           |
| 80 | Màu nhuộm xanh dùng cho phép nhuộm Trichrome          | Các lọ thuốc thử được cung cấp trong các giá vận chuyển có dán nhãn mã vạch để đưa vào khay thuốc thử của máy nhuộm tiêu bản tự động. Một chai thuốc thử Trichrome Green chứa ít hơn hoặc bằng 1% màu xanh lá cây và 0.75% acid hydrochloride.                                                                                                                                                                                 | Test           | 75          |
| 81 | Bộ thuốc nhuộm GMS                                    | Lọ thuốc thử được cung cấp trong các giá vận chuyển có dán nhãn mã vạch để nạp vào khay thuốc thử của máy nhuộm tiêu bản tự động. Bộ thuốc nhuộm gồm: (1) Một lọ chứa chromium trioxide. (2) Một lọ chứa natri bisulfite. (3) Một lọ chứa bạc nitrate. (4) Hai lọ chứa natri borate và Methenamine. (5) Một lọ chứa vàng chloride. (6) Một lọ chứa natri thiosulfate. (7) Một lọ chứa light green SF vàng nhạt và acid acetic. | Test           | 150         |
| 82 | Bộ dung dịch xét nghiệm tế bào cổ tử cung Liqui       | Bộ dung dịch Liqui-Prep được ứng dụng theo kỹ thuật Liquid-Based Cytology (LBC) thế hệ thứ hai. Bộ dung dịch ba thành phần cơ bản: chất bảo quản tế bào, chất làm sạch mẫu tế bào, chất kết nang tế bào lên lam kính. Tính năng ly giải các tạp chất, làm sạch tế bào, giúp cho Bác sĩ Giải Phẫu Bệnh quan sát rõ hơn và chẩn đoán chính xác cao hơn trong xét nghiệm tầm soát ung thư cổ tử cung.                             | Bộ             | 33.000      |
| 83 | Lam kính dùng làm tiêu bản nhuộm Hóa mô miễn dịch     | Lam kính tĩnh điện hoặc phủ polysine hoặc chất khác có khả năng bám dính mô, phù hợp với độ dày lát cắt mô từ 2 đến 5 micromet. Có vùng nhãn màu trắng.                                                                                                                                                                                                                                                                        | Cái            | 8.640       |
| 84 | Hematoxylin                                           | Gồm hai phần (muối đậm và hematoxylin) để dàng hoàn nguyên trong nước cất khi cần để tạo ra hematoxylin trực dụng: (1) Thành phần muối đậm: Aluminum ammonium sulfate dodecahydrate, Sodium Iodate. (2) Thành phần Hematoxylin: Gồm Hematoxylin và Aluminium ammonium sulfate dodecahydrate.                                                                                                                                   | Hộp            | 7           |
| 85 | Eosin                                                 | Hóa chất nhuộm bào tương có đặc tính bắt màu nhanh, phân định thành phần tế bào rõ nét, không lẫn lộn màu tế bào nhân và tế bào chất. Thành phần có chứa: Ethyl                                                                                                                                                                                                                                                                | Chai           | 24          |

| TT | Tên danh mục<br>mời chào giá                    | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Đơn vị<br>tính | Số<br>lượng |
|----|-------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------|
|    |                                                 | alcohol, Methyl alcohol, Isopropyl alcohol, nước, acid acetic và Eosin-Y. Chai tối thiểu 400ml                                                                                                                                                                                                                                                   |                |             |
| 86 | Eosin Azur-50                                   | Thành phần phải chứa đủ các chất để nhuộm màu bào tương sáng: Ethyl alcohol, nước, Methyl alcohol, Isopropyl alcohol, phosphotungstic acid, Bismark Brown, Eosin Y, Fast green FCF. Chai tối thiểu 400ml                                                                                                                                         | Chai           | 28          |
| 87 | Orange-6                                        | Nhuộm keratin trong tế bào, thành phần các chất : phosphotungstic acid, Orange-G, Isopropyl alcohol, Ethyl alcohol, Methyl alcohol, Nước. Chai tối thiểu 400ml                                                                                                                                                                                   | Chai           | 28          |
| 88 | Mực đánh dấu rìa phẫu thuật                     | Sử dụng cho đánh dấu bờ phẫu thuật, định hướng, phân biệt các mô khác nhau, dùng trên mẫu tươi và mẫu cố định Formol, khô nhanh. Chai tối thiểu 8ml                                                                                                                                                                                              | Chai           | 8           |
| 89 | Chất nền phủ mẫu cắt lạnh                       | Chất nền dạng gel tạo liên kết vững chắc với dụng cụ giữ mẫu giúp mẫu mô an toàn. Dễ hòa tan trong nước, bị loại bỏ trong quá trình nhuộm. Đông lạnh nhanh.                                                                                                                                                                                      | Chai           | 40          |
| 90 | Bình xịt lạnh nhanh                             | Bình xịt chứa chất gây đông cứng nhanh sử dụng cho cắt lạnh vi thể. Có vòi mao dẫn. Duy trì độ ẩm trong các khối mô đã phủ chất nền. Chất làm lạnh tetrafluoroethane thân thiện với tầng ozone. Chai tối thiểu 450 gam hoặc 200ml.                                                                                                               | Chai           | 36          |
| 91 | Xylene sinh học (chất thay thế xylene)          | Thành phần: hỗn hợp Isoparaffinic aliphatic hydrocarbons. Loại bỏ chất béo tuyệt đối trong xử lý mô. Không làm cho mẫu bị cứng hay giòn khi tăng thời gian tiếp xúc. Sử dụng được cho tất cả các máy xử lý mô và máy nhuộm tự động. Không benzene. Ít bay mùi.                                                                                   | Bình           | 144         |
| 92 | Sáp hạt                                         | Paraffin rắn không chứa polyme, điểm nóng chảy trong khoảng 55 - 57 độ C.                                                                                                                                                                                                                                                                        | kg             | 882         |
| 93 | Dao cắt mỏng                                    | Lưỡi dao cắt lạnh/ cắt tiêu bản có góc nghiêng dao 34-35 độ,, chất liệu chống rỉ sét, cắt được nhiều mẫu, ít mẻ và cùn dao, bên ngoài phủ lớp chống dính PTFE(Teflon)                                                                                                                                                                            | cái            | 4.250       |
| 94 | Lam kính nhuộm H&E                              | Lam kính thủy tinh, có vùng nhãn màu trắng ăn màu bút chì, bút lông. Kích thước #25x75mm, độ dày 1-1,2mm                                                                                                                                                                                                                                         | cái            | 128.160     |
| 95 | Khung nhựa xử lý mô (Cassette) lỗ lớn nhiều màu | Khung nhựa xử lý mô (Cassette) nhiều màu làm bằng vật liệu P.O.M, 100% kháng hóa chất xử lý mô, các ô nhỏ hình chữ nhật kích thước nhỏ hơn hoặc bằng 5.0 mm x 1.0 mm. Với 2 phần trống lớn bên hông và bề mặt nghiêng 45 độ, phù hợp dùng với máy in chữ số chuyển nhiệt. Các màu trắng, vàng, xanh, cam sẫm có, cung cấp theo màu được yêu cầu. | Cái            | 80.000      |
| 96 | Khung nhựa xử lý mô (Cassette) lỗ nhỏ nhiều màu | Khung nhựa xử lý mô (Cassette) nhiều màu làm bằng vật liệu P.O.M, 100% kháng hóa chất xử lý mô, các ô nhỏ hình vuông kích thước nhỏ hơn hoặc bằng 0.9 mm x 0.9 mm. Với 2 phần trống lớn bên hông và bề mặt nghiêng 45 độ, phù hợp dùng với máy in chữ số chuyển nhiệt. Các màu trắng, vàng, xanh, cam sẫm có, cung cấp theo màu được yêu cầu.    | Cái            | 42.000      |
| 97 | Keo dán tiêu bản nhuộm miễn dịch huỳnh quang    | Keo dán tiêu bản phù hợp với mẫu mô hay phết tế bào quan sát bằng kính hiển vi quang học. Phù hợp với các tiêu bản có chromogen - chất dễ bị hòa tan trong dung                                                                                                                                                                                  | Lọ             | 2           |

| TT  | Tên danh mục<br>mời chào giá                                                                                                                                                             | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Đơn vị<br>tính | Số<br>lượng |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------|
|     |                                                                                                                                                                                          | môi hữu cơ và không tương thích với các loại keo dán không nước khác.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                |             |
| 98  | Lá kính (lamen)<br>kích thước 24 x 50<br>mm                                                                                                                                              | Kích thước 24 x 50 mm, dùng để dán các mẫu mô đúc khối, mẫu cắt lạnh, mẫu tế bào. Được thiết kế với kích thước và độ dày phù hợp để dùng được trên các dòng máy dán lamen tự động.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Cái            | 79.000      |
| 99  | Keo dán lá kính<br>lên tiêu bản                                                                                                                                                          | Mounting Medium sử dụng cho máy nhuộm mẫu mô tự động, có độ nhớt thấp, khô nhanh, tương thích với các dung dịch có xylene hoặc không có xylene. Dùng dán được tối thiểu 6000 lam                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Chai           | 7           |
| 100 | Bộ thuốc nhuộm<br>H&E -<br>(Hematoxylin &<br>Eosin); Đệm kiểm<br>hóa màu nhân<br>(Bluing Buffer);<br>Keo dán lá kính<br>lên tiêu bản<br>(Mounting<br>Medium); Lá kính<br>(Cover Glasses) | Bộ kit nhuộm H&E sử dụng cho máy nhuộm mẫu mô tự động bao gồm: (1) Hematoxylin sử dụng cho máy nhuộm mẫu mô tự động, nhuộm nhân màu xanh, chai 1000 ml nhuộm được tối thiểu 3000 lam; (2) Eosin sử dụng cho máy nhuộm mẫu mô tự động, nhuộm tế bào chất, collagen và hồng cầu theo các màu từ hồng đến cam, chai 1000 ml nhuộm được tối thiểu 3000 lam; (3) Bluing Buffer dùng làm đệm cho hematoxylin, chai 1000 ml nhuộm được tối thiểu 3000 lam; (4) Mounting Medium sử dụng cho máy nhuộm mẫu mô tự động, có độ nhớt thấp, khô nhanh, tương thích với các dung dịch có xylene hoặc không có xylene. Dùng dán được tối thiểu 6000 lam; (5) Cover Glasses Kích thước 24 x 50 mm, không bo góc, dùng để dán các mẫu mô đúc khối, mẫu cắt lạnh, mẫu tế bào. | Test           | 42.000      |
| 101 | Lá kính dán tiêu<br>bản (lamen)<br>24x50mm                                                                                                                                               | Lá kính dán tiêu bản, đảm bảo độ trong suốt, kích thước 24x50mm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | cái            | 88.000      |
| 102 | Bộ đầu in tiêu bản                                                                                                                                                                       | Bộ đầu in tiêu bản phù hợp máy in tiêu bản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Bộ             | 2           |
| 103 | Bộ đầu in Cassette                                                                                                                                                                       | Bộ đầu in khung xử lý mô phù hợp máy in cassette                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Bộ             | 2           |
| 104 | Mực in lên tiêu<br>bản hoặc cassette-<br>trắng đen                                                                                                                                       | Mực in trắng đen Sử dụng được cho cả thiết bị in cassette và tiêu bản, in được 3000 lượt/cuộn đối với khung xử lý mô hoặc tiêu bản (dùng chung)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Cuộn           | 30          |
| 105 | Mực in màu lên<br>tiêu bản hoặc<br>cassette                                                                                                                                              | Mực in màu lên tiêu bản và khung xử lý mô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Cuộn           | 10          |
| 106 | Kháng thể PD-L1<br>(Programmed<br>death -ligand 1)<br>dòng 22C3                                                                                                                          | Kháng thể PD-L1 dòng 22C3 dạng cô đặc. Chai tối thiểu 0,2ml                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Lọ             | 1           |
| 107 | Giấy lọc định tính<br>lọc hóa chất                                                                                                                                                       | Giấy lọc định tính đường kính >10mm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Miếng          | 1.400       |
| 108 | Ống ly tâm đáy<br>nhọn 15ml nắp vặn                                                                                                                                                      | Ống nghiệm nhựa ly tâm nắp vặn, đáy hình nón, dung tích 12-15ml.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Ống            | 1.050       |
| 109 | Xylene                                                                                                                                                                                   | Xylen tinh khiết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | chai           | 120         |
| 110 | Giemsa                                                                                                                                                                                   | Thuốc nhuộm Giemsa azur                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | chai           | 1           |
| 111 | Axit nitric                                                                                                                                                                              | axit nitric (HNO3) đậm đặc, nồng độ >50%, chai tối thiểu 1 lít.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | chai           | 1           |
| 112 | Axit clohidric                                                                                                                                                                           | Axit clohidric (HCl) đậm đặc, nồng độ >30%, chai tối                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | chai           | 1           |

| TT  | Tên danh mục<br>mời chào giá                                       | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Đơn vị<br>tính   | Số<br>lượng |
|-----|--------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------|
|     |                                                                    | thiếu 1 lít.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                  |             |
| 113 | Dung dịch<br>Amoniac                                               | Dung dịch amoniac, NH <sub>4</sub> OH, nồng độ >20%, chai tối<br>thiếu 1 lít                                                                                                                                                                                                                                                                                            | chai             | 1           |
| 114 | Kháng thể SALL4                                                    | Kháng thể SALL4 (dòng 6E3) hoặc dòng tương đương<br>dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn<br>dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong<br>paraffin.                                                                                                                                                                                        | Test             | 50          |
| 115 | Kháng thể p40                                                      | Kháng thể P40 (dòng BC28) hoặc dòng tương đương<br>dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn<br>dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong<br>paraffin.                                                                                                                                                                                         | Test             | 50          |
| 116 | Kháng thể CD138                                                    | Kháng thể CD138 dùng định tính kháng nguyên trong<br>nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định<br>bởi formalin, vùi trong paraffin.                                                                                                                                                                                                                            | Test             | 50          |
| 117 | Dung dịch phủ tiêu<br>bản chống bay hơi<br>trong nhuộm đặc<br>biệt | Dung dịch tạo lớp bảo vệ giữa các thuốc thử tan trong<br>nước và không khí. Lớp bảo vệ này ngăn cản sự bay hơi,<br>cung cấp môi trường ổn định ở dạng nước cho phản ứng<br>nhuộm đặc biệt. Có thể hòa tan paraffin trong quá trình<br>khử paraffin của các tiêu bản chứa mô được cố định<br>bằng formalin, vùi trong paraffin (FFPE) khi sử dụng<br>quy trình nhuộm AFB | Lít              | 6           |
| 118 | Chất khử sáp<br>nhuộm đặc biệt                                     | Dung dịch hòa tan paraffin trong quá trình khử paraffin<br>của các tiêu bản chứa mô được cố định bằng formalin,<br>vùi trong paraffin (FFPE)                                                                                                                                                                                                                            | Lít              | 2           |
| 119 | Bộ dung dịch rửa<br>tạo môi trường<br>nhuộm đặc biệt               | dung dịch cung cấp môi trường ổn định ở dạng nước để<br>nhuộm mô học định tính các lát cắt mô được cố định<br>bằng formalin, vùi trong paraffin (FFPE)                                                                                                                                                                                                                  | Bộ (200<br>test) | 2           |
| 120 | Bộ thuốc nhuộm<br>AFB                                              | Chất nhuộm mô học để hỗ trợ trong xác định chọn lọc<br>Mycobacterium và các vi khuẩn kháng acid khác trong<br>mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin.                                                                                                                                                                                                        | Test             | 75          |
| 121 | Dung dịch tẩy màu<br>nhuộm đặc biệt                                | Dung dịch propylene glycol, dùng trong nhuộm đặc biệt<br>giúp biệt hóa màu nhuộm phù hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                | Lít              | 2           |
| 122 | Kháng thể E-<br>cadherin                                           | Kháng thể E-cadherin dùng để phát hiện protein E-<br>cadherin trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô<br>được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin.                                                                                                                                                                                                             | Test             | 50          |
| 123 | Kháng thể EP-<br>CAM                                               | Kháng thể Ep-CAM dùng để phát hiện glycoprotein Ep-<br>CAM trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô<br>được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin.                                                                                                                                                                                                                | Test             | 50          |
| 124 | Kháng thể CD44                                                     | Kháng thể đơn dòng CD44 dòng DF1485 hoặc dòng<br>tương đương dạng cô đặc. Lọ tối thiểu 1ml                                                                                                                                                                                                                                                                              | Lọ               | 1           |
| 125 | Kháng thể MDM2                                                     | Kháng thể MDM2 dạng cô đặc, dùng để phát hiện<br>protein MDM2 trên lát cắt mô được cố định bởi<br>formalin, vùi trong paraffin. Lọ tối thiểu 0,1ml                                                                                                                                                                                                                      | Lọ               | 1           |

CÔNG TY: .....

ĐỊA CHỈ: .....

SỐ ĐIỆN THOẠI: .....

## BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Theo công văn mời chào giá số ...../BVĐHYD-KD của Bệnh viện, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

| Stt | Stt theo thư mời chào giá | Tên danh mục | Tên thương mại | Chi tiết kỹ thuật | Chủng loại/ Mã hàng | Quy cách đóng gói | Hãng /Nước sản xuất | Hãng/ Nước Chủ sở hữu | Số lưu hành/ giấy phép nhập khẩu (nếu có) | Số lượng (có khả năng cung ứng) | ĐVT  | Đơn giá (có VAT) | Thành tiền (có VAT) | Mã HS (HS Code) | Ghi chú |
|-----|---------------------------|--------------|----------------|-------------------|---------------------|-------------------|---------------------|-----------------------|-------------------------------------------|---------------------------------|------|------------------|---------------------|-----------------|---------|
| (1) | (2)                       | (3)          | (4)            | (5)               | (6)                 | (7)               | (8)                 | (9)                   | (10)                                      | (11)                            | (12) | (13)             | (14)                | (15)            | (16)    |
| 1   |                           |              |                |                   |                     |                   |                     |                       |                                           |                                 |      |                  |                     |                 |         |
| 2   |                           |              |                |                   |                     |                   |                     |                       |                                           |                                 |      |                  |                     |                 |         |
| ... |                           |              |                |                   |                     |                   |                     |                       |                                           |                                 |      |                  |                     |                 |         |

Báo giá này có hiệu lực từ ngày ..... / ..... / ..... đến ngày ..... / ..... / .....

Ngày ... tháng .... năm ....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

(Ký tên và đóng dấu)

